TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 145/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 08-8-2017
V/v "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tỉnh

Ông Nguyễn Đức Đẹp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang đã mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 1241/2016/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị L, sinh năm 1993, địa chỉ: đường X, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Q, sinh năm 1988, địa chỉ: đường N, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/11/2016, bản tự khai ngày 12/12/2016, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên cờ bạc, nợ nần. Chị L đã nhiều lần khuyên can và cho anh Q cơ hội thay đổi để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay anh Cường vẫn không thay đổi. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Q sinh được một người con chung là cháu Trần M, sinh năm 2015. Từ khi chị và anh Q sống ly thân thì một mình chị là người nuôi dưỡng con chung, anh Q không quan tâm cũng như chăm sóc con chung. Do vậy, khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Q vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án, nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do anh Trần Q không đến Tòa án để giải quyết vụ án, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa lần thứ hai (ngày 08/8/2017), anh Trần Q cũng không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Q là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Trần Q tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 07/3/2016. Đây là quan hệ hôn

nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị L trong quá trình chung sống chị L và anh Q phát phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù chị L đã cố gắng níu giữ hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, các bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Tại phiên tòa chị L vẫn tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh Q vì chị không còn tình nghĩa vợ chồng đối với anh Q. Đối với anh Q đã được tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ tại nơi cư trú của anh Q, nhưng anh Q không đến Tòa để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều này chứng tỏ anh Q không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Q là hết sức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên việc chị L xin ly hôn anh Q là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Trương Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L là người có việc làm, có thu nhập, sau khi các bên ly thân thì chị L là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần M. Anh Q không quan tâm, chăm sóc con chung trong thời gian các bên ly thân. Bên cạnh đó, tại thời điểm xét xử vụ án, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi là đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của cháu M, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Về việc cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã giải thích cho chị L biết quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M của anh Q, nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét đây là ý chí tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Anh Trần Q không có mặt, nên không rõ yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử tách việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung theo quy định của pháp luật, nếu sau này anh Trần Q có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị L phải nộp 200.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố Tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Q.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Trần M, sinh năm 2015 cho chị Trương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Trần Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, chị Trương Thị L và anh Trần Q có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tách việc giải quyết tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, nếu sau này anh Trần Q có yêu cầu.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Chị Trương Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu số AA/2016/0005732 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trương Thị L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND. TP. Nha Trang;
- THA thành phố N;
- UBND xã V, thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tùng